



**TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG**  
**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**  
**MÔN CÔNG NGHỆ 7**  
Năm học: 2022 – 2023

**Họ và tên học sinh:**

**Lớp: 7A...**

**Họ tên hoàn thành:**

**NỘI DUNG: Chương Chăn nuôi**  
**Câu hỏi ôn tập**

**Câu 1.** Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là

- A.** quy hoạch, đưa trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.
- B.** vệ sinh chuồng nuôi, đưa chất thải chăn nuôi xuống ao hoặc sông, hồ.
- C.** vớt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.
- D.** cho chó, mèo đi vệ sinh ở các bãi cỏ hoặc ven đường.

**Câu 2.** Xác định đâu là nhiệm vụ của ngành chăn nuôi ở nước ta?

- A.** Phát triển chăn nuôi toàn diện.
- B.** Đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.
- C.** Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và quản lý
- D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 3.** Trong các sản phẩm chăn nuôi sau đây, sản phẩm nào không phải của bò?

- A.** Trứng.    **B.** Thịt.    **C.** Sữa.    **D.** Da.

**Câu 4.** Phát biểu nào dưới đây là không đúng về vai trò của chăn nuôi?

- A.** Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.
- B.** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- C.** Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.
- D.** Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây không phải là của vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta?

- A.** Được nuôi ở hầu hết các địa phương.
- B.** Được nuôi tại một số địa phương nhất định.
- C.** Sản phẩm thơm ngon, được nhiều người yêu thích.
- D.** Sản phẩm dễ bán, giá cao, góp phần đem lại thu nhập cao cho người lao động.

**Câu 6.** Từ chất thải vật nuôi, người ta thường có thể sản xuất ra sản phẩm nào sau đây?

- A.** Khí sinh học (biogas).
- C.** Nguyên liệu cho ngành dệt may.
- B.** Vật liệu xây dựng.
- D.** Thức ăn chăn nuôi.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây là không đúng?

**A.** Sản phẩm chăn nuôi rất phong phú và có giá trị dinh dưỡng cao, vì vậy phát triển chăn nuôi sẽ đáp ứng được nhu cầu dinh dưỡng của con người.

**B.** Sản phẩm chăn nuôi có giá trị kinh tế cao, vì vậy phát triển chăn nuôi sẽ góp phần cải thiện đời sống người lao động.

**C.** Chăn nuôi làm giảm ô nhiễm môi trường và chống biến đổi khí hậu.

**D.** Chăn nuôi cung cấp nguồn phân hữu cơ cho trồng trọt, góp phần nâng cao năng suất cây trồng.

**Câu 8.** Hoạt động nào trong chăn nuôi dưới đây có thể gây ô nhiễm môi trường?

**A.** Xây hầm biogas để xử lý chất thải cho các trang trại chăn nuôi.

**B.** Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.

**C.** Thu chất thải để ủ làm phân hữu cơ.

**D.** Thả rông vật nuôi, nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn.

**Câu 9.** Nuôi vịt không thể cung cấp những sản phẩm nào sau đây?

**A.** Cung cấp thịt

**B.** Cung cấp trứng.

**C.** Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

**D.** Cung cấp sữa.

**Câu 10.** Gà Đông Tảo có xuất xứ ở địa phương nào sau đây?

**A.** Văn Lâm - Hưng Yên.

**B.** Khoái Châu - Hưng Yên.

**C.** Tiên Lữ - Hưng Yên.

**D.** Văn Giang - Hưng Yên.

**Câu 11.** Chăn nuôi là một phần thuộc lĩnh vực nào dưới đây?

**A.** Công nghiệp.

**B.** Nông nghiệp.

**C.** Thương mại.

**D.** Dịch vụ.

**Câu 12.** Cho biết: Sản xuất vắc-xin thường hay được thử nghiệm trên con vật nào?

**A.** Lợn.

**B.** Chuột.

**C.** Tinh tinh.

**D.** Gà

**Câu 13.** Con vật nào dưới đây thường không cung cấp sức kéo?

**A.** Trâu.

**B.** Bò.

**C.** Lợn.

**D.** Ngựa.

**Câu 14.** Vai trò chăn nuôi nào sau đây là sai?

**A.** Cung cấp sức kéo cho sản xuất.

**B.** Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến thịt hộp.

**C.** Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường.

**D.** Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

**Câu 15.** Đâu là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ?

**A.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi lớn.

**B.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi ít.

**C.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi nhiều.

**D.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi tùy theo từng trang trại.

**Câu 16.** Hình ảnh đang minh họa cho phương thức chăn nuôi nào?



- A. Chăn nuôi trang trại
- B. Chăn nuôi nông hộ
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

**Câu 17.** Hãy tìm vật nuôi thuộc nhóm gia súc trong các hình ảnh sau



- A. b, c, d, h
- B. b, d, e, i
- C. a, d, g, i
- D. a, d, e, g

**Câu 18.** Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả chăn nuôi công nghệ cao?

**A.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm giảm công lao động qua đó nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi đồng thời bảo vệ môi trường; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**B.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm kiểm soát tốt dịch bệnh; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**C.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**D.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm giảm chi phí nhân công; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**Câu 19.** Cần cho vật nuôi non bú sữa đầu càng sớm càng tốt vì

**A.** sữa đầu chứa nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**B.** sữa đầu có chứa kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**C.** sữa đầu có chứa kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**D.** sữa đầu có chứa vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**Câu 20.** Vật nuôi non có những đặc điểm nào sau đây?

1) Khả năng điều tiết thân nhiệt chưa tốt.

2) Ít bị tác động bởi sự thay đổi của nhiệt độ môi trường.

3) Chức năng hệ tiêu hoá chưa hoàn thiện.

4) Chống chịu tốt trước các điều kiện bất lợi của môi trường.

5) Chức năng hệ hô hấp chưa hoàn thiện.

6) Chức năng hệ miễn dịch chưa hoàn thiện.

**A.** 1, 2, 4, 6

**B.** 1, 3, 5, 6

**C.** 2, 3, 5, 6

**D.** 3, 4, 5, 6

**Câu 21.** Trong các cách cho đực giống ăn sau đây, cách nào là đúng?

**A.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**B.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.

**C.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**D.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

**Câu 22.** Đầu là định nghĩa đúng về “sữa đầu”?

**A.** Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài trong khoảng 1 tuần.

**B.** Sữa đầu là sữa chỉ được tiết ra khi con mẹ đã sinh con được 1 tuần và kéo dài trong khoảng 1 tuần tiếp theo.

**C.** Sữa đầu là sữa được con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 2 tuần.

**D.** Sữa đầu là sữa do con mẹ tiết ra ngay sau khi sinh và kéo dài khoảng 3 tuần.

**Câu 23.** Ý nào dưới đây không phải là yêu cầu cần đạt khi nuôi dưỡng và chăm sóc gia súc cái sinh sản giai đoạn mang thai?

**A.** Vật nuôi khoẻ mạnh để nuôi thai.

**B.** Có nhiều sữa.

**C.** Lớn nhanh và cho nhiều thịt.

**D.** Con sinh ra khoẻ mạnh.

**Câu 24.** Em hiểu thế nào là một giống vật nuôi?

**A.** Giống vật nuôi là nhóm vật nuôi gồm nhiều cá thể vật nuôi có chung nguồn gốc, ổn định về tính di truyền do con người tạo ra. Các cá thể trong cùng một giống thì giống nhau về ngoại hình và sức sản xuất.

**B.** Giống vật nuôi là nhóm vật nuôi gồm nhiều cá thể vật nuôi không chung nguồn gốc, ổn định về tính di truyền do con người tạo ra. Các cá thể trong cùng một giống thì giống nhau về ngoại hình và sức sản xuất.

**C.** Giống vật nuôi là nhóm vật nuôi gồm nhiều cá thể vật nuôi có chung nguồn gốc, ổn định về tính di truyền do con người tạo ra. Các cá thể trong cùng một giống thì khác nhau về ngoại hình và sức sản xuất.

**D.** Giống vật nuôi là nhóm vật nuôi gồm nhiều cá thể vật nuôi có chung nguồn gốc, ổn định về tính di truyền do tự nhiên vốn có. Các cá thể trong cùng một giống thì giống nhau về ngoại hình và sức sản xuất.

**Câu 25.**Đâu là phát biểu không đúng về biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.

**A.** Cho con non bú sữa đầu của mẹ càng sớm càng tốt.

**B.** Giữ ấm cho vật nuôi, chăm sóc chu đáo.

**C.** Tắm chải thường xuyên.

**D.** Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng sớm.

**Câu 26.**Yêu cầu nào dưới đây là không chính xác khi chăn nuôi đực giống?

**A.** Cân nặng vừa đủ.

**B.** Sức khỏe tốt nhất.

**C.** Cho tinh dịch tốt về số lượng và chất lượng.

**D.** Càng to béo càng tốt.

**Câu 27.**Khi đực nuôi dưỡng và chăm sóc tốt thì vật nuôi sẽ như thế nào?

1) Khỏe mạnh, lớn nhanh.

2) Ít bệnh tật.

3) Cho nhiều sản phẩm (thịt, trứng, sữa,..) với chất lượng cao.

4) Giảm sức đề kháng.

5) Được đảm bảo phúc lợi động vật.

**A.** 1, 2, 3, 4

**B.** 1, 2, 4, 5

**C.** 1, 2, 3, 5

**D.** 1, 2, 3, 4, 5

**Câu 28.**Chất lượng vật nuôi đực giống sẽ tác động trực tiếp đến khía cạnh nào?

**A.** Số lượng và chất lượng đàn con sinh ra.

**B.** Chất lượng thịt.

**C.** Chất lượng sữa.

**D.** Chất lượng trứng.

**Câu 29.**Biện pháp kỹ thuật nào dưới đây không phù hợp với việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non?

**A.** Chăm sóc và nuôi dưỡng con mẹ tốt.

**B.** Kiểm tra năng suất thường xuyên.

**C.** Giữ ấm cơ thể.

**D.** Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

**Câu 30.**Việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non có ý nghĩa quan trọng bởi vì:

**A.** Con vật còn nhỏ nên ăn ít.

**B.** Con vật còn nhỏ nên đáng yêu hơn.

**C.** Giai đoạn này là nền tảng cho sự sinh trưởng và phát triển các giai đoạn sau của vật nuôi.

**D.** Con vật còn nhỏ nên dễ chăm sóc.

**Câu 31.**Ba giai đoạn của lợn cái sinh sản lần lượt là:

**A.** Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con.

**B.** Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ và nuôi con → Giai đoạn mang thai.

**C.** Giai đoạn mang thai → Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ và nuôi con.

**D.** Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con → Giai đoạn hậu bị.

**Câu 32.**Y nào dưới đây không phải là việc chính trong chăm sóc vật nuôi đực giống?

**A.** Kiểm tra thân nhiệt hằng ngày.

**B.** Cho con vật vận động.

**C.** Tiêm vaccine và vệ sinh phòng bệnh.

**D.** Kiểm tra thể trọng và tinh dịch.

**Câu 33.**Mục tiêu của chăn nuôi đực giống là

**A.** cho ra nhiều con giống tốt nhất.

**B.** nhanh lớn, nhiều nạc.

**C.** càng béo càng tốt.

**D.** nhanh lớn, khỏe mạnh.

**Câu 34.**Ý nào dưới đây là một trong những yêu cầu cần đạt khi nuôi dưỡng và chăm sóc gia cầm giai đoạn đẻ trứng?

**A.** Con vật lớn nhanh và cho nhiều thịt.

**B.** Gia cầm có năng suất và sức bền đẻ trứng cao.

**C.** Cho chất lượng thịt tốt.

**D.** Có khả năng thụ thai cao.

**Câu 35.**Gia cầm mái sinh sản cần phải trải qua giai đoạn nào?

**A.** Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ trứng.

**B.** Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ trứng.

**C.** Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ trứng.

**D.** Giai đoạn mang thai → Giai đoạn hậu bị.

**Câu 36.**Nguyên nhân nào dưới đây có thể gây dịch, bệnh cho vật nuôi?

**A.** Chuồng trại không hợp vệ sinh.

**B.** Không cho vật nuôi tiếp xúc với nguồn bệnh.

**C.** Tiêm phòng vaccine đầy đủ cho vật nuôi.

**D.** Cho vật nuôi ăn đầy đủ dinh dưỡng.

**Câu 37.**Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

**A.** Bệnh truyền nhiễm

**B.** Bệnh không truyền nhiễm

**C.** Bệnh kí sinh trùng

**D.** Bệnh di truyền

**Câu 38.**Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là

**A.** do thời tiết không phù hợp.

**B.** do vi khuẩn và virus.

**C.** do thức ăn không đảm bảo vệ sinh.

**D.** do chuồng trại không phù hợp.

**Câu 39.**Biết được nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi sẽ giúp ích gì?

**A.** Xác định được phương pháp phòng và trị bệnh phù hợp.

**B.** Xác định được phương pháp nuôi dưỡng phù hợp.

**C.** Xác định được phương pháp chăm sóc phù hợp.

**D.** Xác định được phương pháp nâng cao năng suất chăn nuôi.

**Câu 40.**Khi bị bệnh, vật nuôi thường có những biểu hiện phổ biến nào sau đây?

**A.** Nhanh nhẹn, linh hoạt.

**B.** Bỏ ăn hoặc ăn ít.

**C.** Nhanh lớn, đẻ nhiều.



**D.** Thường xuyên đi lại.

**Câu 41.** Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để định nghĩa về bệnh?

**A.** Bệnh là sự rối loạn hoạt động chức năng bình thường của cơ thể vật nuôi do tác động của các yếu tố gây bệnh khác nhau.

**B.** Bệnh là hiện tượng xảy ra ở cơ thể vật nuôi khi có tồn tại các yếu tố gây bệnh khác nhau.

**C.** Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện ho, sốt, còi cọc, chậm lớn.

**D.** Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện kém ăn, bỏ ăn.

**Câu 42.** Đối với cơ thể vật nuôi, thức ăn cung cấp năng lượng và chất dinh dưỡng để?

**A.** Tăng sức đề kháng của vật nuôi.

**B.** Vật nuôi hoạt động.

**C.** Cả A và B đúng

**D.** Đáp án khác

**Câu 43.** Khi vật nuôi bị bệnh, chúng không có biểu hiện nào dưới đây?

**A.** Rối loạn chức năng sinh lí trong cơ thể.

**B.** Giảm vận động và ăn ít.

**C.** Giảm năng suất.

**D.** Tăng giá trị kinh tế.

**Câu 44.** Nếu thấy vật nuôi có hiện tượng bị dị ứng (phản ứng thuốc) khi tiêm vắc xin thì phải?

**A.** Tiếp tục theo dõi

**B.** Dùng thuốc chống dị ứng hoặc báo cho cán bộ thú y đến giải quyết kịp thời

**C.** Cho vật nuôi vận động để tạo ra khả năng miễn dịch

**D.** Tiêm vắc xin trị bệnh cho vật nuôi

**Câu 45.** Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?

**A.** Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm.

**B.** Bán ngay khi có thể.

**C.** Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời.

**D.** Tự mua thuốc về điều trị.

**Câu 46.** Muốn chuồng nuôi hợp vệ sinh, khi xây chuồng nuôi phải lưu ý?

**A.** Phải thực hiện đúng kĩ thuật và chọn địa điểm

**B.** Hướng chuồng, nền chuồng, tường bao, mái che

**C.** Bố trí các thiết bị khác

**D.** Tất cả đều đúng

**Câu 47.** Bệnh nào dưới đây do các vi sinh vật gây ra?

**A.** Bệnh giun, sán                      **B.** Bệnh cảm lạnh.

**C.** Bệnh gà rù.                              **D.** Bệnh ve, rận.

**Câu 48.** Biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi là:

**A.** Sử dụng vaccine.

**B.** Cho con vật ăn càng nhiều càng tốt.

**C.** Cho con vật vận động càng nhiều càng tốt.

**D.** Cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên.

**Câu 49.** Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

**A.** Bệnh viêm dạ dày

**B.** Bệnh giun đũa ở gà.

**C.** Bệnh ghẻ.

**D.** Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

**Câu 50.** Đầu là nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi?

**A.** Tiêm vaccine

**B.** Vệ sinh chuồng trại

**C.** Môi trường chuồng trại quá nóng

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 51.** Bệnh nào dưới đây có thể lây lan nhanh thành dịch?

**A.** Bệnh giun đũa

**B.** Bệnh cúm gia cầm.

**C.** Bệnh ghẻ.

**D.** Bệnh viêm khớp.

**Câu 52.** Phòng bệnh tốt cho vật nuôi không có tác dụng nào sau đây?

1) Tăng cường sức khỏe, sức đề kháng cho vật nuôi.

2) Hạn chế sự tiếp xúc của vật nuôi với nguồn bệnh.

3) Giúp vật nuôi nhanh khỏi bệnh.

4) Ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.

5) Tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.

**A.** 2

**B.** 3

**C.** 4

**D.** 5

**Câu 53.** Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

**A.** Bệnh viêm dạ dày.                      **B.** Bệnh giun đũa ở gà.

**C.** Bệnh ghẻ.                                      **D.** Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

**Câu 54.** Đầu là tác dụng của việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi?

**A.** Tiêm vaccine có tác dụng tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.

**B.** Ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.

**C.** Giảm tác hại của bệnh và giúp vật nuôi nhanh hồi phục.

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 55.** Vaccine phòng bệnh là chế phẩm sinh học được chế ra từ:

**A.** Sản phẩm trồng trọt.

**B.** Hoá chất tổng hợp.

**C.** Chính mầm bệnh gây ra bệnh đó.

**D.** Thuốc kháng sinh.

**Câu 56.** Ý nào dưới đây không phải là vai trò chính của vệ sinh trong chăn nuôi?

**A.** Phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

**B.** Nâng cao năng suất chăn nuôi.

**C.** Bảo vệ môi trường.

**D.** Tiết kiệm thức ăn chăn nuôi.

**Câu 57.** Thế nào là một chuồng nuôi hợp vệ sinh?

**A.** Có điều kiện tiểu khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, độ chiếu sáng,..) phù hợp.

**B.** Có sàn bằng bê tông.

**C.** Có mái lợp bằng tôn.

**D.** Có tường bao quanh.

**---Chúc các con ôn tập và thi tốt---**